TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NB** **TỈNH NB**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/2022/QĐST-HNGĐ	*TP. NB, ngày 19 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Cẩm T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Số 8B, ngõ 139, đường V, phố B, phường BĐ, thành phố NB, tỉnh NB.

- Bị đơn: Anh Trần Tiến Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 8B, ngõ 139, đường V, phố B, phường BĐ, thành phố NB, tỉnh NB.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Cẩm T và anh Trần Tiến Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Lưu Cẩm T và anh Trần Tiến Đ có 02 con chung là cháu Trần Hải A, sinh ngày 19/10/2017 và cháu Trần Bảo N, sinh ngày 17/7/2019. Giao cho chị Lưu Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Bảo N; giao cho

anh Trần Tiến Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Hải A đến khi cháu N, cháu A thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Chị Lưu Cẩm T và anh Trần Tiến Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Lưu Cẩm T và anh Trần Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở chị T, anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung: Chị Lưu Cẩm T và anh Trần Tiến Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Chị Lưu Cẩm T và anh Trần Tiến Đ không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lưu Cẩm T nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền án phí chị T phải nộp được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0000843 ngày 07/4/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố NB, tỉnh NB. Chị T được hoàn lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND TP NB;
- THADS TP NB;
- Các đương sự;
- UBND phường BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Phạm Diệu Oanh
(ĐÃ KÝ)